

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MS
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:134/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 01-8-2018

V/v Ly hôn giữa chị M và anh Đ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MS, TỈNH SƠN LA

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lò Thị Chơ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phùng Quốc Quân

Ông Cầm Văn Tổ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Vân Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện MS, tỉnh Sơn La

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MS, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện MS, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 57/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2017 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2018/QĐXX- ST ngày 06 tháng 7 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 07/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1984, địa chỉ: Bản TC, xã NO, huyện MS, tỉnh Sơn La, có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trương Văn Đ, sinh năm 1986, địa chỉ: Bản TC, xã NO, huyện MS, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 22 tháng 12 năm 2017 và trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

Chị và anh Trương Văn Đ kết hôn với nhau từ năm 2011 do cả hai cùng tự nguyện. Anh chị có đi đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và đã được Ủy ban nhân dân xã NO, huyện MS, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày

22/4/2011. Khi kết hôn chị và anh Đ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh chị đã được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi cho theo phong tục tập quán.

Sau khi kết hôn hai anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được hơn một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chính khi chị bắt đầu mang thai cháu T thì anh Đ không quan tâm đến vợ, thường bỏ nhà đi, không rõ đi đâu. Chị có khuyên bảo và góp ý nhưng anh Đ không nghe lại tăng thêm rượu chè, cờ bạc, có dùng cả ma túy và đã có hành vi đánh chị. Mỗi lần đánh vợ xong, anh Đ lại bỏ nhà đi, sự việc lặp lại như vậy cho đến tháng 12/2013, anh Đ về nhà bán hết ngô chị mới thu hoạch và bỏ đi. Anh Đ đi thỉnh thoảng có về và liên lạc điện thoại với chị nhưng không nói địa chỉ hiện đang ở đâu. Hiện chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Đ đã không thể hàn gắn được nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh T sinh ngày 04/5/2013. Chị có nguyện vọng được nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu T khi ly hôn, không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng.

Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung vợ chồng.

Về nợ chung: Anh chị không nợ ai cũng không cho ai vay mượn tài sản.

Tại phiên tòa chị giữ nguyên quan điểm đã trình bày: Về tình cảm: Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Trương Văn Đ. Về con chung: Chị có nguyện vọng được nhận trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Minh T sinh ngày 04/5/2013 cho đến khi cháu T trưởng thành, chị không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng. Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung vợ chồng. Về nợ chung: không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện MS tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng triệu tập anh Đ đến Tòa án để làm việc, niêm yết công khai tại nơi cư trú và theo yêu cầu của chị M thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng việc Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ án ly hôn giữa chị M và anh Đ. Tuy nhiên anh Đ không có mặt, trốn tránh, gây khó khăn cho việc yêu cầu xin ly hôn của chị M.

Căn cứ Điều 208 BLTTDS và theo đề nghị của nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành xác minh theo quy định về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, tình trạng hôn nhân, về con chung và tài sản chung, nợ chung để giải quyết vụ án xin ly hôn giữa chị Nguyễn Thị M và anh Trương Văn Đ. Kết quả xác minh đối với ban quản lý bản TC, xã NO, huyện MS xác định:

Về tình cảm: Chị M và anh Đ kết hôn với nhau từ năm 2011, sau khi kết hôn anh chị về chung sống với nhau tại bản TC, xã NO. Một thời gian sau thì anh Đ thường xuyên vắng nhà, Ban quản lý bản có nắm được thông tin anh Đ là đối

tương nghiện hút ma túy đang trong danh sách theo dõi của công an xã. Anh Đ thỉnh thoảng có về nhà rồi lại đi ngay, không rõ đi đâu. Việc chị M có đơn xin ly hôn với anh Đ đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định đảm bảo quyền lợi cho cả hai anh chị. Về con chung: Chị M, anh Đ có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh T sinh ngày 04/5/2013, cháu hiện đang sống cùng chị M, anh Đ thường xuyên vắng nhà, không quan tâm gì đến hai mẹ con. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Chị M, anh Đ từ khi kết hôn sống nhờ nhà của anh chị của chị M, không có tài sản chung gì có giá trị. Anh chị không có khoản nợ chung nào tại địa phương.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Bị đơn chưa có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX quyết định: Áp dụng Điều 56; Điều 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị M đối với anh Trương Văn Đ. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Minh T sinh ngày 04/5/2013 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục, chấp nhận việc chị M không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M đã cung cấp đúng và đầy đủ địa chỉ của bị đơn anh Trương Văn Đ trong đơn khởi kiện và các chứng cứ kèm theo. Tuy nhiên, anh Đ cố tình giấu địa chỉ, bỏ nhà đi không rõ đi đâu, việc thay đổi nơi cư trú không thông báo địa chỉ cho chính quyền địa phương và chị M biết nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện. Anh Đ không làm thủ tục tạm vắng hay chuyển khẩu đi nơi khác. Tòa án nhân dân huyện MS đã tổng đạt và niêm yết công khai các văn bản tố tụng hai lần đối với anh Đ tại bản TC, xã NO nhưng anh Đ đi vắng mặt không có lý do. Theo

yêu cầu của chị Mây, Tòa án đã thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hết thời hạn thông báo anh Kiệt vẫn không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 40; khoản 4 Điều 189; Điều 195 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 3 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân huyện MS tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự, Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai. Xác định bị đơn đã được triệu tập hợp lệ vắng mặt lần hai nên Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 tiến hành phiên tòa xét xử sơ thẩm theo quy định chung.

[2]. Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị M và anh Trương Văn Đ tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2011, anh chị đã được UBND xã NO, MS, Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 22/4/2011 (số 27, quyền số 01), khi kết hôn anh chị đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn hai anh, chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được hơn một năm thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do từ khi chị Mây mang thai cháu T, anh Đ không quan tâm đến vợ, thường xuyên bỏ nhà đi. Anh Đ còn uống rượu, cờ bạc và nghiện hút ma túy. Từ cuối năm 2013, anh Đ gần như bỏ nhà đi hẳn, có liên lạc điện thoại và thỉnh thoảng về nhưng lại đi ngay, cố tình giấu địa chỉ nơi ở đối với chị M. Anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành điều tra xác minh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa hai vợ chồng theo quy định tại Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Mâu thuẫn chính giữa hai vợ chồng là do anh Đ có nghiện hút ma túy và thường bỏ nhà đi, không quan tâm đến vợ con, cũng không cho chị M biết hiện đang ở đâu. Tại phiên tòa, chị M giữ nguyên ý kiến xin ly hôn với anh Đ. Tòa án đã tiến hành tổng đạt và thực hiện niêm yết công khai các văn bản tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý vụ án, và thực hiện thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng cho anh Đ biết nhưng anh Đ cố tình vắng mặt không có lý do, gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử xét thấy, anh chị đã sống ly thân thời gian đã lâu, tình cảm vợ chồng giữa hai người đã không thể hàn gắn được, mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh Đ thường xuyên bỏ nhà đi không quan tâm đến vợ con, do đó cần căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia

đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M xử cho chị M được ly hôn với anh Đ.

[2.2] *Về con chung*: Chị M và anh Đ có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh T sinh ngày 04/5/2013. Cháu T hiện đang sống cùng với chị, từ khi chị mang thai đến nay, anh Đ không chăm sóc nuôi dưỡng con chung cùng chị M. Nên Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết giao cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu T theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận việc tại phiên tòa chị M không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng.

[2.3] *Về tài sản chung*: Từ khi anh chị kết hôn về sống nhờ tại nhà của anh chị M, anh chị không có tài sản chung gì khác có giá trị.

[2.4] *Về nợ chung*: Anh chị không vay nợ ai cũng không cho ai vay mượn.

[2.5] *Về án phí*: Chị M phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 147; Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị M và anh Trương Văn Đ.

2. Về con chung:

Giao cháu Nguyễn Minh T cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Nguyễn Minh T thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M do chị M không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh Đ được quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh Đ được thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung: Không có

4. Về nợ chung: Không có

5. Về án phí: Chị M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/04716 ngày 27 tháng 12 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện MS, tỉnh Sơn La.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện MS;
- Chi cục THADS huyện MS;
- Các đương sự;
- UBND xã NO;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lò Thị Chơ